

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DS-ST

Ngày 07 tháng 7 năm 2020

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Thanh Hoàng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà H’ Rôma Mlô.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu H - có mặt.

Địa chỉ: Số nhà 05 đường N, tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Hồ Thúc B - có mặt

Địa chỉ: Địa chỉ: Số nhà 31 đường N, tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị L - có mặt.

Địa chỉ: Địa chỉ: Số nhà 31 đường N, tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 14/01/2020, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H trình bày:*

Vào ngày 07/10/2019, bà Phạm Thị Thu H có cho ông Hồ Thúc B vay số tiền 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng), lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 02 tháng kể từ ngày vay. Ông Hồ Thúc B không cầm cố hay thế chấp tài sản gì cho bà H. Khi vay ông Hồ Thúc B có tự viết 01 giấy mượn tiền đề ngày 07/10/2019 có chữ ký, chữ viết “Hồ Thúc B” trong giấy mượn tiền này. Bà H đã

giao đủ số tiền 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng) cho ông B vào ngày 07/10/2019.

Sau khi viết giấy mượn tiền trên thì bà H phát hiện số chứng minh nhân dân của Hồ Thúc B bị sai nên bà yêu cầu ông B phải viết lại giấy vay tiền mới. Vào ngày 10/10/2019, bà H có đến tiệm Photocopy xin 01 hợp đồng vay tiền mẫu về để điền thông tin người vay và các nội dung khác có liên quan. Bà H có yêu cầu ông B đọc số chứng minh nhân dân cùng các nội dung khác có liên quan qua điện thoại để điền vào hợp đồng vay tiền đề ngày 10/10/2019 thì ông B đồng ý. Sau khi bà H điền các nội dung có liên quan vào hợp đồng vay tiền ngày 10/10/2019 thì trong ngày này ông B có đến nhà bà H đọc lại toàn bộ nội dung của hợp đồng vay tiền này và có ký 03 chữ ký, viết 03 chữ “Hồ Thúc B” vào hợp đồng vay tiền đề ngày 10/10/2019.

Theo hợp đồng vay tiền đề ngày 10/10/2019 thì giữa bà H và ông B đã thống nhất số tiền ông B vay của bà H là 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng), lãi suất 1,5 %/tháng, mục đích vay về để kinh doanh, thời hạn vay 02 tháng kể từ ngày 10/10/2019 đến ngày 10/12/2019, thời hạn giao tiền vào ngày 10/10/2019 nhưng thực tế bà H đã giao tiền cho ông B vào ngày 07/10/2019.

Bà H không biết vợ ông B là ai, vợ ông B không biết, không liên quan đến việc vay mượn tiền giữa các bên. Bà H không đề nghị vợ ông B trả nợ cùng với ông B. Đến hạn trả nợ, bà H đã nhiều yêu cầu ông B phải trả tiền nhưng ông B không trả tiền.

Nay bà H đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Thúc B phải trả số tiền gốc đã vay 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng), lãi phát sinh từ ngày 10/10/2019 đến ngày xét xử là 8.944.500 đồng (Tám triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng). Tổng cộng là 75.944.500 đồng (Bảy mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng). Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Thu H không yêu cầu ông Hồ Thúc B phải trả tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Hồ Thúc B trình bày:*

Vào tháng 09/2019, bà Phạm Thị Thu H có đặt vấn đề với ông Hồ Thúc B về việc bà H là chủ đường dây cá độ bóng đá qua mạng và rủ ông B tham gia cá độ thì ông B đồng ý. Trong khoảng thời gian tháng 09/2019, ông B có nhiều lần nhắn tin qua điện thoại để cá độ bóng đá theo trận qua máy điện thoại bà H thì được bà xác nhận đã đánh. Tuy nhiên, ông không nhớ rõ số trận và số tiền đã đánh đối với bà H. Mọi dữ liệu liên quan đến việc cá độ trên hiện tại ông B không cung cấp được cho Tòa án vì máy điện thoại của ông B bị hư.

Đối với giấy mượn tiền đề ngày 07/10/2019 mà bà H cung cấp thì ông B xác định đây là giấy mượn tiền do ông B là người trực tiếp viết, chữ ký, chữ viết “Hồ Thúc B” trong giấy này. Lý do ông B viết giấy mượn tiền này là do ông B nợ tiền bóng đá của bà H nhưng không rõ số tiền bao nhiêu, bà H ép ông B phải viết giấy mượn tiền này vì do sợ vợ con biết, sợ người của bà H hành hung nên ông B bắt buộc phải viết giấy này. Khi viết giấy bà H ép ông B phải viết nội dung là có mượn của bà số tiền 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng), thời hạn trả 02 tháng vào trong giấy thì ông B đồng ý viết như vậy.

Đối với giấy vay tiền đề ngày 10/10/2019 mà bà H cung cấp cho Tòa án thì ông B xác định vào ngày 10/10/2019, bà H có điện thoại nói ông B xuống nhà bà H để giải quyết công việc thì khoảng 22 giờ ông B đến. Khi gặp bà H thì bà H có nói với ông B là giấy mà ông B viết ngày 07/10/2019 là không đúng, đồng thời bà H nói với ông B là phải ký vào giấy mới thì mới cho bà H cá độ bóng đá để gỡ thì ông B đồng ý. Bà H có đưa ra 02 tờ giấy được đánh máy sẵn, có một số dòng bằng dấu chấm chưa viết ép ông B phải ký vào thì ông B có ký 03 lần, viết 03 chữ “Hồ Thúc B” vào trong Hợp đồng vay tiền này. Khi ký vào Hợp đồng vay tiền ngày 10/10/2019 thì ông B không đọc, không biết nội dung của giấy là gì. Sau khi ông B ký, viết chữ “Hồ Thúc B” vào giấy thì về nhà bà H điền các nội dung có liên quan vào các dấu chấm để trống trước đó. Trong giấy có nội dung ông B vay của bà H số tiền 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng), mục đích vay để kinh doanh, thời hạn trả 02 tháng kể từ ngày 10/10/2019 đến ngày 10/12/2019 là không đúng với ý chí của ông B.

Ông B không cầm cố hay thế chấp tài sản gì cho bà H. Vợ ông B tên là Ngô Thị L không biết, không liên quan gì đến việc cá độ hay vay nợ gì giữa các bên. Ông B cũng không đề nghị Tòa án giám định chữ ký, chữ viết của ông B trong các giấy vay tiền mà bà Phạm Thị Thu H đã cung cấp cho Tòa án.

Qua nhiều lần cá độ ông B đã đưa được cho bà Phạm Thị Thu H số tiền 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng) nhưng không viết giấy tờ gì và còn thiếu lại 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng), trong thời gian 02 ngày sau khi viết giấy vay tiền ban đầu thì ông B thắng thêm tiền cá độ với số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), chỉ còn nợ lại 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

Nay bà Phạm Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ông Hồ Thúc B phải trả số tiền gốc 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng) cùng lãi phát sinh thì ông B không đồng ý. Ông B yêu cầu bà H phải thừa nhận số tiền 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng) có nguồn gốc từ việc cá độ bóng đá thì ông mới đồng ý trả số tiền còn lại là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng) cho bà H.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị L trình bày:*

Bà Ngô Thị L là vợ của ông Hồ Thúc B. Sự việc vay mượn tiền hay tiền cá độ bóng đá giữa ông Hồ Thúc B với bà Phạm Thị Thu H như thế nào thì bà không biết, cũng không liên quan gì. Trường hợp bà H thừa nhận giữa bà H với ông B có sự việc cá độ bóng đá và còn nợ nhau số tiền 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng) thì bà mới xem xét có nghĩa vụ trả nợ cùng với ông B hay không. Bà Ngô Thị L xác định bà không có nghĩa vụ phải trả nợ cho bà Phạm Thị Thu H và đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về Tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu H, xử: Buộc ông Hồ Thúc B phải trả cho bà Phạm Thị Thu H số tiền gốc 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng) cùng lãi phát sinh 1,5 %/tháng kể từ ngày 10/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà Ngô Thị L không có nghĩa vụ trả nợ cùng với ông Hồ Thúc B. Đối với số tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm không đặt ra xem xét vì bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Hồ Thúc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Hồ Thúc B có nơi cư trú tại tổ dân phố 4, thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Số tiền bị đơn vay của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Thu H cung cấp cho Tòa án giấy vay tiền đề ngày 07/10/2019 do ông Hồ Thúc B tự viết và giấy vay tiền đề ngày 10/10/2019 do bà H và ông B lập sau. Hai giấy vay tiền trên đều có chữ ký, chữ viết “*Hồ Thúc B*” của ông B tại mục người vay tiền và đều thể hiện số tiền gốc bà H cho ông B vay là 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng), mục đích vay để kinh doanh, thời hạn trả 02 tháng kể từ ngày 10/10/2019 đến ngày 10/12/2019, lãi suất 1,5 %/tháng. Ông Hồ Thúc B không trả tiền cho bà Phạm Thị Thu H theo đúng cam kết trong giấy vay tiền là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét việc ông B nại ra rằng nguồn gốc của số tiền 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng) mà bà H khởi kiện là tiền cá độ bóng đá trước đó giữa hai người. Bà H ép ông B phải tự viết giấy vay tiền đề ngày 07/10/2019 và phải ký xác nhận vào giấy vay tiền đề ngày 10/10/2019 thì mới được cá độ bóng đá tiếp. Ngoài ra, ông B cho rằng đã trả được cho bà H số tiền 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng) nhưng không viết giấy tờ gì, trong thời gian 02 ngày sau khi viết giấy vay tiền ban đầu thì ông B thắng thêm tiền cá độ với số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) và chỉ còn nợ lại 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của ông B là không có căn

cứ để chấp nhận, bởi lẽ: Ông Hồ Thúc B thừa nhận chữ ký, chữ viết “Hồ Thúc B” trong các giấy vay tiền đề ngày 07/10/2019, ngày 10/10/2019 là của ông B, ông B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh sự việc giữa hai người có sự việc cá độ bóng đá, cũng như có việc trả tiền, khấu trừ nợ cho nhau. Ông B cũng không có chứng cứ gì chứng minh là mình bị ép buộc phải viết giấy vay tiền, không chứng minh được nội dung của giấy vay tiền đề ngày 10/10/2019 là do bà H điền vào sau khi ông B ký vào giấy vay tiền này.

Từ những phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xác định ông B có quan hệ vay tiền của bà H và cần buộc ông Hồ Thúc B phải trả cho bà Phạm Thị Thu H số tiền gốc 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng) cùng lãi phát sinh là phù hợp.

[2.2] Về số tiền lãi phát sinh: Căn cứ vào giấy vay tiền đã lập giữa các bên có thể hiện lãi suất thỏa thuận là 1,5 %/tháng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, phần ghi lãi suất không bị tẩy xóa hay viết thêm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất mà bà H yêu cầu và cần buộc ông B phải trả lãi phát sinh từ ngày 10/10/2019 đến ngày xét xử là $67.000.000 \text{ đồng} \times (1,5 \%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng} + 0,05\%/\text{ngày} \times 27 \text{ ngày}) = 8.040.000 \text{ đồng} + 904.500 \text{ đồng} = 8.944.500 \text{ đồng}$ (Tám triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Bà Phạm Thị Thu H không yêu cầu ông Hồ Thúc B phải trả lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm. Xét việc không yêu cầu tính lãi trên của bà H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.3] Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Ngô Thị L là vợ ông B không biết sự việc vay mượn tiền giữa các bên, nguyên đơn không yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ trả nợ cùng với ông B. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ buộc một mình ông Hồ Thúc B phải trả số tiền gốc 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng) và lãi phát sinh là 8.944.500 đồng (Tám triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng) cho bà Phạm Thị Thu H. Tổng số tiền ông Hồ Thúc B phải trả cho bà Phạm Thị Thu H là 75.944.500 (Bảy mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, theo mức là $5\% \times 75.944.500 = 3.797.225 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu H.

Buộc ông Hồ Thúc B phải trả cho bà Phạm Thị Thu H số tiền 75.944.500 (Bảy mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng), trong đó nợ gốc 67.000.000 đồng, lãi phát sinh đến ngày xét xử 8.944.500 đồng.

Không tính lãi suất chậm trả khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

Về án phí: Bà bà Phạm Thị Thu H không phải chịu án dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 1.725.000 đồng (Một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn) tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0002863 ngày 04 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Hồ Thúc B phải chịu 3.797.225 đồng (Ba triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Tạ Thanh Hoàng

